TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2024
V/v *Ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiểu.
2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đăng G, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983.
ĐKHKTT: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.
Tại phiên toà có mặt anh G, chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 28 tháng 9 năm 2023, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/02/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, đặc biệt mâu thuẫn trong vấn đề làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 05/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được,

cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung, cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 12/4/2003, cháu Nguyễn Hương Q, sinh ngày 15/9/2009 và cháu Nguyễn Đăng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2017. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc ở cháu. Anh G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu Q và cháu K. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh G không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2023, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/02/2002 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi khi bàn bạc công việc vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Anh G làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung, cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 12/4/2003, cháu Nguyễn Hương Q, sinh ngày 15/9/2009 và cháu Nguyễn Đăng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2017. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc ở cháu. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu K, anh G trực tiếp chăm sóc cháu Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh G và chị N vẫn giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung; về tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề

nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đăng G, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N; Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 12/4/2003 đã trưởng thành, cháu ở với ai là tùy thuộc ở cháu. Giao cháu Nguyễn Đăng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2017 cho anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hương Q, sinh ngày 15/9/2009 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G, chị N có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con; Về tài sản chung và công nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc anh Nguyễn Đăng G đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/02/2002 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, mỗi khi bàn bạc công việc trong gia đình đều không có tiếng nói chung nên hay cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay anh G làm đơn xin ly hôn, chị N cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh G và chị N đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải hai bên nhưng anh G và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thống nhất thuận tình ly hôn. Do vậy. cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N có 03 con chung, cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 12/4/2003, cháu Nguyễn Hương Q, sinh ngày 15/9/2009 và cháu Nguyễn Đăng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2017. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc ở cháu. Đối với cháu Q và cháu K, quá trình giải quyết vụ án, anh G và chị N đều có nguyện vọng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của các bên đương sự là chính đáng nhưng xét điều kiện nuôi con của hai bên thì thấy: Điều kiện kinh tế của anh G, chị N đều như nhau, hiện tại anh G và chị N đều không có nhà riêng, đang chung sống cùng với bố mẹ đẻ, do đó nên giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Qúa trình giải quyết vụ án, cháu Q có bản trình bày thể hiện nguyện vọng được ở cùng mẹ vì cháu đã tự lo được cho bản thân, giữa mẹ và con gái dễ dàng trao đổi, tâm sự cùng nhau; hơn nữa cháu K lâu nay đang ở cùng anh G và bà nội, việc ăn học đã quen nên không cần thiết phải thay đổi nơi ở của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao cháu K cho anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Q cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh G và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh G và chị N đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh G khởi kiện vụ án ly hôn nên anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N có 03 con chung, cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 12/4/2003, cháu Nguyễn Hương Q, sinh ngày 15/9/2009 và cháu Nguyễn Đăng Tuấn K, sinh ngày 06/7/2017. Hiện nay, cháu H đã trưởng thành nên cháu ở với ai là tùy thuộc ở cháu. Giao cháu Nguyễn Đăng Tuấn K cho anh G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hương Q cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh G, chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Anh Nguyễn Đăng G và chị Nguyễn Thị N không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Đăng G phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh G đã nộp theo biên lai thu số: AA/2022/0001528 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

- *Về quyền kháng cáo bản án*: Anh G và chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y, huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Chiểu Trịnh Ngọc Thanh **Nguyễn Thị Hoa**